

Bản án số: 18 /2020/HSPT
Ngày: 21 – 02 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuyền
Ông Nguyễn Xuân Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án Hình sự thụ lý số 07/2020/HSPT ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Văn T; sinh ngày 10 tháng 9 năm 1986 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đặng Thị T2; có vợ: Nguyễn Thị Kiều O và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/11/2013 bị xử phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 128/2013/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại : Ông Dương Viết Tình, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Biển Xanh, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T1, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- + Bà Hoàng Thị H, địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/5/2019, Nguyễn Văn T cùng bố là ông Nguyễn Văn T đến khu vực ruộng lúa S thuộc thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để thu hoạch cá, đây là khu vực ông Nguyễn Văn T1 ký hợp đồng với UBND xã V thuê ruộng để nuôi thả cá trong thời gian từ ngày 28/11/2018 đến ngày 30/9/2019. Khi ông T1 và T đi ngang qua ruộng lúa của anh Nguyễn Văn A thì thấy anh A và vợ là chị Nguyễn Thị H đang rẽ lúa để đưa máy vào gặt, T hỏi anh A có bắt được cá không rồi tiếp tục đi đến ruộng lúa khác, anh A thấy trên ruộng có cá nên bắt bỏ vào bao lác trắng.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T cùng ông T1 quay lại thấy anh A đang cầm bao lác đựng cá trên tay, T yêu cầu anh A đổ số cá đó xuống ruộng vì đó là cá của gia đình T thả nuôi, nhưng anh A không chấp nhận nên hai bên cãi nhau, giằng co qua lại. T nhổ 01 cọc gỗ (có đường kính khoảng 60 cm, dài khoảng 80cm) là cọc tiêu cắm ở đầu ruộng làm gậy, đánh về phía anh A, anh A dùng tay trái đỡ thì bị trúng gậy, gãy xương cẳng tay. Anh A nhảy lên đê, T cầm gậy chạy theo thì bị anh A ôm lại, ông T1 thấy thế nên chạy đến can ngăn, giật gậy gỗ trên tay của Nguyễn Văn T vút xuống nương nước bên cạnh. Anh A được gia đình đưa đi băng bó vết thương tại Trạm y tế xã V sau đó đưa đến điều trị tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, phẫu thuật tạo hình Huế từ ngày 14/5/2019 đến ngày 28/5/2019 thì xuất viện.

Bản kết luận giám định pháp y số: 73/TgT ngày 11/7/2019 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng Bình, xác định: Gãy hở 1/3 xương trụ trái, vết mổ trùng vết thương ở 1/3 giữa sau cẳng tay trái để lại sẹo kích thước 09 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Nguyễn Văn A là 12%.

- Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã tiến hành truy tìm vật chứng là gậy gỗ mà bị cáo T sử dụng làm hung khí đánh anh Nguyễn Văn A gây thương tích nhưng không tìm thấy.

- Trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và bị hại thỏa thuận, Nguyễn Văn T bồi thường các khoản cho anh Nguyễn Văn A với số tiền 50.000.000 đồng, Nguyễn Văn T đã trả cho anh A 7.000.000 đồng, còn lại 43.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đến ngày 05/12/2019 sẽ giao đầy đủ.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSQN ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 5 Điều 275, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự: công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường, bù đắp cho anh Nguyễn Văn A với số tiền là 50.000.000 đồng, đã bồi thường được 7.000.000 đồng, còn 43.000.000 đồng đến ngày 05/12/2019 Nguyễn Văn T phải bồi thường xong đầy đủ cho anh Nguyễn Văn A.

Án sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; lãi suất chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 13/12/2019 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xử bị cáo quá nghiêm khắc, xin hưởng khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2019, bị hại anh Nguyễn Văn A kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T lên 42 tháng tù và tăng bồi thường, đề nghị bồi thường cho bị hại 134.558.800 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị cáo Nguyễn Văn T khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm. Bị cáo cho rằng Bản án sơ thẩm xử bị cáo 24 tháng tù là nghiêm khắc, xin được giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Đã tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, đã cố gắng nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả, gia đình khó khăn, vợ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, con còn nhỏ.

Bị hại, anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh đã nhận tiền bồi thường của bị cáo 7.000.000 đồng và có thỏa thuận về phần bồi thường dân sự 50.000.000 đồng, đến ngày 05/12/2019 bị cáo phải bồi thường xong. Tuy nhiên, đến nay bị cáo không thực hiện theo thỏa thuận, do đó anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo 42 tháng tù. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng bồi thường, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại 134.558.800 đồng (chưa tính khoản 15.000.000 đồng tháo đinh, nẹp), bao gồm các khoản: Thuốc men điều trị, viện phí: 21.918.800 đồng; tiền thất thu, bồi dưỡng: 41.340.000 đồng; tiền chi phí thuê xe đi điều trị: 1.800.000 đồng và tiền tổn thất về tinh thần: 69.500.000 đồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông có thuê ruộng của UBND xã V để nuôi cá. Nguyễn Văn T là con trai của ông. Ông chứng kiến trực tiếp sự việc xảy ra tại ruộng lúa S vào ngày 14/5/2019, ruộng lúa này do ông thuê của UBND xã V để nuôi cá, ông cho rằng, vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 14/5/2019 ông có thông báo với anh A cắt lúa nhưng đừng bắt cá ở ruộng, sau đó ông và Nguyễn Văn T đi ngang qua ruộng nhà anh A và nhắc anh A đừng bắt cá. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi ông cùng T quay lại thì thấy anh A cầm trên tay bao lác trắng đựng cá, T yêu cầu anh A đổ cá trở lại ruộng nhưng anh A không đồng ý nên phát sinh cãi vã, T nhỏ cộc tiêu cấm ruộng đánh anh A gãy tay, ông có can ngăn và giật gậy gỗ trên tay bị cáo T vút xuống ruộng nước.

Đối với số cá mà anh A bắt ở ruộng đã thả lại nên ông không có yêu cầu gì.

Người làm chứng chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn A. Ruộng lúa mà chị và anh Nguyễn Văn A đang canh tác đứng tên Hoàng Văn H (đã chết) và Ngô Thị L (là anh trai và chị dâu của chị). Ngày 14/5/2019 chị và anh A rẽ lúa chò máy gặt, lúc 11 giờ thì thấy anh A và 01 nam thanh niên đang đuổi đánh nhau, do khoảng cách khá xa nên chị không thấy rõ, khi chạy đến thì thấy ông T đang giật chiếc gậy gỗ từ tay nam thanh niên đó vứt xuống ruộng nước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Không tranh luận về tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát huyện Quảng Ninh đã truy tố và án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo Nguyễn Văn T bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử tăng bồi thường cho bị hại để đúng với chi phí thực tế đã bỏ ra.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại làm trong hạn luật định nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Nguyễn Văn A đã thỏa thuận về phần bồi thường, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xuất trình bảng kê khai chi phí bồi thường nhưng một số yêu cầu chưa có hóa đơn chứng từ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như thỏa thuận tại cấp sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 14/5/2019, do mâu thuẫn từ việc anh Nguyễn Văn A bắt cá tại ruộng S thuộc thôn T, xã V, huyện Q mà gia đình bị cáo thuê của UBND xã V để nuôi cá, nên bị cáo đã có hành vi nhỏ cọc tiêu cắm ở ruộng đánh vào anh Nguyễn Văn A, làm cho anh A bị gãy xương ở cẳng tay. Hành vi sử dụng gậy – là hung khí nguy hiểm - đánh vào người của anh Nguyễn Văn A dẫn đến hậu quả tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Nguyễn Văn A là 12% theo kết luận của cơ quan chuyên môn. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội” Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án mà Bản án sơ thẩm đã xác định hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại anh Nguyễn Văn A cùng các người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T mà Bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, và bị hại Nguyễn Văn A về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, theo tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như phạm vi ảnh hưởng của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đối với nhân dân nơi địa bàn gây án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xem xét về nhân thân của bị cáo để xét xử Nguyễn Văn T 24 tháng tù là nghiêm minh và đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo trình bày đã được cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Từ những phân tích trên, nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp với pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại, anh Nguyễn Văn A về bồi thường trách nhiệm dân sự, thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận về mức bồi thường trách nhiệm dân sự, bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh A 50.000.000 đồng, đến ngày 05/12/2019 bồi thường xong và anh A đã nhận 7.000.000 đồng; thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận. Tuy nhiên do bị cáo không bồi thường theo thỏa thuận, chỉ mới trả 7.000.000 đồng nên anh A kháng cáo, yêu cầu buộc Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường 134.558.800 đồng, chưa bao gồm chi phí tháo nẹp và đinh.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua kê khai của bị hại và xem xét hóa đơn, chứng từ, tình hình thực tế tại địa phương, cần chấp nhận những khoản chi phí của thời gian điều trị 14 ngày của anh Nguyễn Văn A tại bệnh viện, cụ thể:

Tiền thuốc men điều trị và viện phí: 31.288.000 đồng; tiền bồi dưỡng cho bị hại khi nằm viện: 1.400.000 đồng; tiền mất thu nhập: 7.200.000 đồng; tiền người nuôi bệnh: 2.800.000 đồng; tiền thuê xe và đi lại điều trị : 1.800.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần (10 tháng lương tối thiểu) : 13.900.000 đồng, tổng cộng : 58.388.000 đồng.

Do đó cần buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 58.388.000 đồng cho bị hại anh Nguyễn Văn A, chấp nhận việc bồi thường trước 7.000.000 đồng, còn lại 51.388.000 đồng cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh A.

Đối với việc anh Nguyễn Văn A cho rằng chi phí phẫu thuật tháo nẹp đinh là 15.000.000 đồng chưa thực hiện nên tách thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, không giải quyết trong vụ án này.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt là có cơ sở.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[7] Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại anh Nguyễn Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án .

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn A về bồi thường thiệt hại:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn A chi phí thuốc men, điều trị và các chi phí khác với số tiền 58.388.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng). Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường trước số tiền 7.000.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn A số tiền còn lại là 51.388.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi một triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng)

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm và 2.569.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị hại anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 21 tháng 02 năm 2020).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long